

Số: 26/2024/CV-PGN

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét 6 tháng năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Phụ Gia Nhựa

- Mã chứng khoán: PGN

- Địa chỉ: Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Điện thoại liên hệ: 02113 717107 Fax: 02113 707108

- Email: [trandangcong2082@gmail.com](mailto:trandangcong2082@gmail.com) Website: <https://pgn.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC soát xét 6 tháng năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thộc diện phải giải trình nguyên nhân

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/ được kiểm toán):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển lỗ sang hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước ?

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại ?

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn: <https://pgn.com.vn>.

### 3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023:

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):
- Ngày hoàn thành giao dịch: .....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/ NGƯỜI UQCBT

Tài liệu đính kèm:

-BCTC soát xét 6 tháng năm  
2024



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Đăng Công*

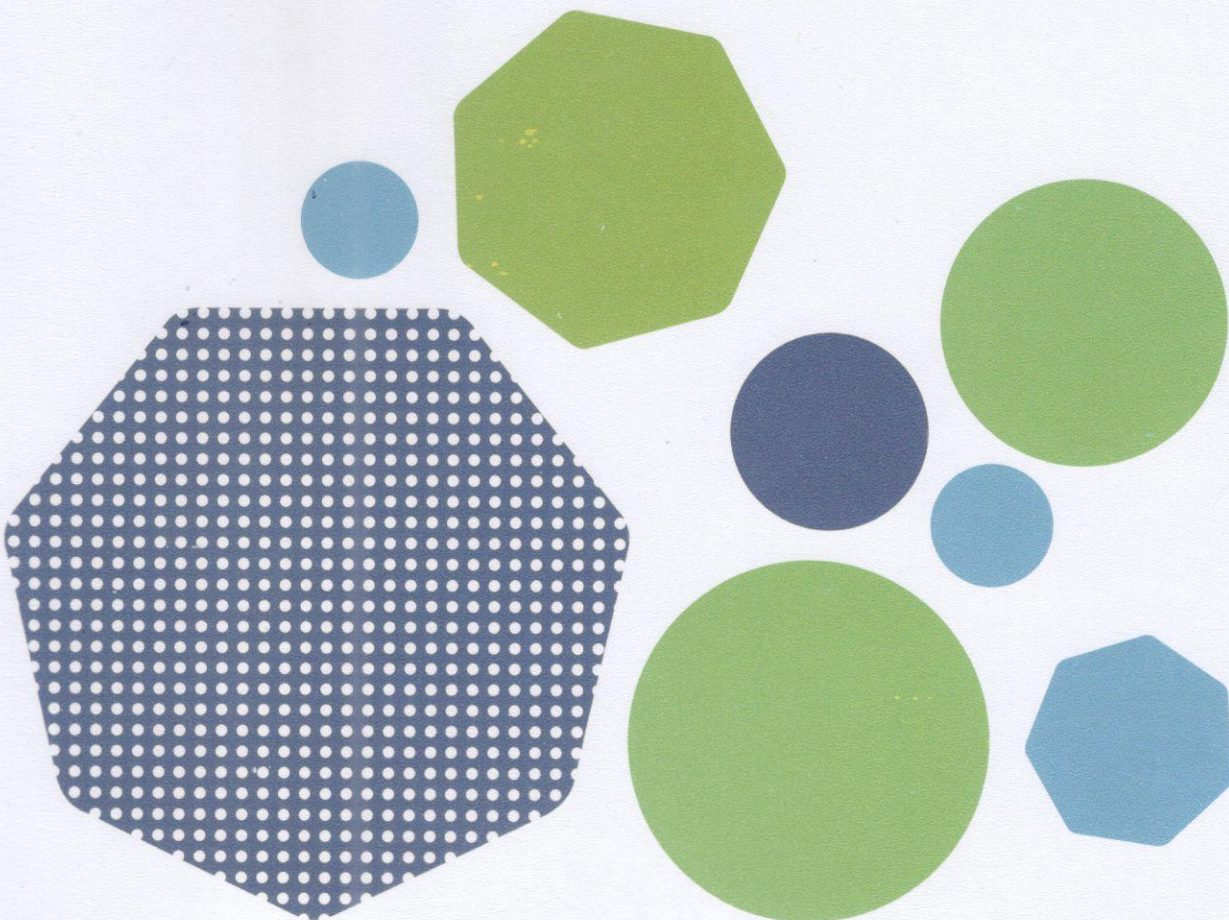




Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024





# CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

---

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 – 32



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch
Ông Trần Đăng Công	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đăng Phi	Thành viên
Ông Chu Văn Phương	Thành viên
Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Đăng Công	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Cường	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng Công ty trong 06 tháng đầu năm 2024 và đến ngày lập báo cáo này là bà Trần Thị Việt Oanh.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2024 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Đặng Công**  
**Tổng Giám đốc**

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 08 năm 2024



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/08/2024, từ trang 05 đến trang 32 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số: 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>177.954.976.907</b>	<b>176.498.129.911</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.922.121.690	5.680.905.186
Tiền	111		5.922.121.690	5.680.905.186
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.093.689.041	15.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	16.093.689.041	15.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.013.402.942	88.240.136.878
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	81.165.699.095	87.992.996.780
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		132.450.000	25.812.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	715.253.847	221.328.098
Hàng tồn kho	140		73.345.219.698	67.119.420.893
Hàng tồn kho	141	8	73.345.219.698	67.119.420.893
Tài sản ngắn hạn khác	150		580.543.536	257.666.954
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	551.872.572	164.166.492
Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.892.828	92.104.727
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	153		8.778.136	1.395.735
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>30.730.942.609</b>	<b>33.644.244.247</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.034.305.867	1.536.311.479
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.034.305.867	1.536.311.479
Tài sản cố định	220		26.758.340.753	28.919.862.696
Tài sản cố định hữu hình	221	11	23.832.784.731	25.614.897.580
- Nguyên giá	222		46.762.896.171	46.722.896.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.930.111.440)	(21.107.998.591)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	2.925.556.022	3.304.965.116
- Nguyên giá	225		4.552.909.091	4.552.909.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.627.353.069)	(1.247.943.975)
Tài sản dở dang dài hạn	240		745.948.500	745.948.500
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		745.948.500	745.948.500
Đầu tư tài chính dài hạn	250		600.000.000	600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	600.000.000	600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.592.347.489	1.842.121.572
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.592.347.489	1.842.121.572
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>208.685.919.516</b>	<b>210.142.374.158</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>99.219.689.919</b>	<b>103.110.814.165</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98.517.628.065</b>	<b>101.633.133.745</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	22.697.201.903	26.332.481.868
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		110.745.591	139.345.591
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	2.717.061.026	5.082.022.744
Phải trả người lao động	314		446.609.322	261.151.785
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		861.184.581	461.803.611
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	6.400.000	1.600.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	93.520.820	31.762.460
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	70.940.928.935	68.678.989.799
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		643.975.887	643.975.887
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>702.061.854</b>	<b>1.477.680.420</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	15	280.009	481.725
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	701.781.845	1.477.198.695
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>109.466.229.597</b>	<b>107.031.559.993</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>109.466.229.597</b>	<b>107.031.559.993</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.648.590.000	84.509.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.648.590.000	84.509.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(134.050.000)	(134.050.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.787.063.739	6.316.984.134
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.164.625.858	16.339.225.859
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.729.956.254	11.116.119.133
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.434.669.604	5.223.106.726
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>208.685.919.516</b>	<b>210.142.374.158</b>

Vinh Phúc, ngày 14 tháng 08 năm 2024



**Tổng Giám đốc**  
Trần Đặng Công

**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Việt Oanh**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thị Nga**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	93.981.054.864	123.364.525.314
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	280.500.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		93.981.054.864	123.084.025.314
Giá vốn hàng bán	11	19	85.378.130.956	114.418.004.101
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.602.923.908	8.666.021.213
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	458.422.833	26.465.665
Chi phí tài chính	22	21	3.199.040.768	3.190.296.290
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.195.102.504	3.176.285.418
Chi phí bán hàng	25	22	408.165.052	211.925.215
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.904.755.484	1.810.718.840
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.549.385.437	3.479.546.533
Thu nhập khác	31		-	9.090.912
Chi phí khác	32	23	260.466.875	-
Lợi nhuận khác	40		(260.466.875)	9.090.912
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.288.918.562	3.488.637.445
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		854.248.958	872.715.722
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.434.669.604	2.615.921.723
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	257	310
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	24	245	276

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 08 năm 2024



Kế toán trưởng

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.288.918.562	3.488.637.445
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.201.521.943	2.129.672.345
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(424.396.094)	(21.623.264)
Chi phí lãi vay	06		3.195.102.504	3.176.285.418
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>8.261.146.915</b>	<b>8.772.971.944</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.894.640.488	(13.386.007.570)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.225.798.805)	5.462.475.160
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.580.981.661)	8.615.340.136
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(137.931.997)	(25.436.309)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.858.917.923)	(3.127.885.418)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.757.824.334)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(405.667.317)</b>	<b>6.311.457.943</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21		(40.000.000)	(2.301.204.545)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	9.090.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(893.689.041)	(1.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.250.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		94.050.576	44.563.326
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(839.638.465)</b>	<b>(1.997.550.310)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		69.828.738.328	43.787.737.759
Tiền trả nợ gốc vay	34		(67.866.077.192)	(51.588.545.673)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(476.138.850)	(1.258.352.370)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>1.486.522.286</b>	<b>(9.059.160.284)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>241.216.504</b>	<b>(4.745.252.651)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	5.680.905.186	7.501.259.521
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	5.922.121.690	2.756.006.870

Vinh Phúc, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**Tổng Giám đốc**  
  
**Trần Đặng Công**

**Kế toán trưởng**  
  
**Trần Thị Việt Oanh**

**Người lập biểu**  
  
**Nguyễn Thị Nga**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2500287403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc thay đổi lần 10 ngày 11/03/2024. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 94.648.590.000 đồng, chia thành 9.464.859 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Đăng Công.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 04 tháng 07 năm 2019 với mã chứng khoán là PGN.

Số nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2024 là 33 người (tại ngày 01/01/2024 là 46 người).

#### 1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### 2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### 2.2 KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### 3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp hàng tồn kho lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản chi phí trả trước liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10

**3.8 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.9 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trong năm.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.11 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.12 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền, phải thu ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

**3.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3.13 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	5.908.524.754	2.592.715.459
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.596.936	3.088.189.727
	<b>5.922.121.690</b>	<b>5.680.905.186</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
- Ngắn hạn	16.093.689.041	-	15.200.000.000	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	16.093.689.041	-	15.200.000.000	-
- Dài hạn	600.000.000	-	600.000.000	-
+ Các khoản trái phiếu (**)	600.000.000	-	600.000.000	-
	<b>16.693.689.041</b>	<b>-</b>	<b>15.800.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam với giá trị tại 30/06/2024 là 4.000.000.000 đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng số SHBHN/HDTD/790500037395 ngày 13/12/2023 với Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(\*\*) Tại 30/06/2024, bao gồm:

- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2023 với số lượng trái phiếu sở hữu là 3.000 trái phiếu tại ngày 20/07/2023, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,3%/năm. Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ. Ngày phát hành: 20/07/2023, ngày đáo hạn: 20/07/2033. Phương thức thanh toán lãi, gốc: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi là một ngày tròn năm kể từ ngày phát hành và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong năm 2024, riêng tiền lãi cho kỳ thanh toán lãi thứ 10 của Trái phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái phiếu vào ngày đáo hạn. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của các điều khoản và điều kiện của Trái phiếu, các Trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của Trái phiếu đó vào ngày đáo hạn. Trái phiếu này đang được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.
- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020 với số lượng trái phiếu sở hữu là 3.000 trái phiếu tại ngày 30/07/2020, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 1,0%/năm. Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ. Ngày phát hành: 30/07/2020, ngày đáo hạn: 30/07/2030. Phương thức thanh toán lãi, gốc: Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu. Nếu trái phiếu 2030 được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 05 (năm) sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của trái phiếu 2030 và tiền lãi năm thứ 05 (năm) sẽ được thanh toán cùng tiền gốc trái phiếu 2030 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030. Nếu ngày thanh toán lãi trái phiếu 2030 và/hoặc ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đáo hạn trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Trái phiếu này đang được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>81.165.699.095</b>	-	<b>87.992.996.780</b>	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	31.736.300.218	-	34.509.399.108	-
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	39.615.709.113	-	39.363.376.434	-
- Công ty Cổ phần An Tiến Industries	2.189.592.000	-	4.398.921.120	-
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	513.060.487	-	4.135.454.887	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.111.037.277	-	5.585.845.231	-
	<b>81.165.699.095</b>	-	<b>87.992.996.780</b>	-
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>71.865.069.818</b>	-	<b>78.008.232.429</b>	-

(Chi tiết tại thuyết minh số 26)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>715.253.847</b>	<b>-</b>	<b>221.328.098</b>	<b>-</b>
- Lãi dự thu	715.253.847	-	170.908.329	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	50.419.769	-
<b>Dài hạn</b>	<b>1.034.305.867</b>	<b>-</b>	<b>1.536.311.479</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	890.650.688	-	1.351.193.738	-
- Phải thu khác	143.655.179	-	185.117.741	-
	<b>1.749.559.714</b>	<b>-</b>	<b>1.757.639.577</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	60.700.967.586	-	48.005.095.328	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	44.836.719	-
- Thành phẩm	12.644.252.112	-	19.069.488.846	-
	<b>73.345.219.698</b>	<b>-</b>	<b>67.119.420.893</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho đang cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần tại ngày 30/06/2024 là: 50 tỷ đồng.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>551.872.572</b>	<b>164.166.492</b>
- Chi phí mua bảo hiểm	142.912.275	134.187.181
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.933.733	128.896
- Các khoản khác	402.026.564	29.850.415
<b>Dài hạn</b>	<b>1.592.347.489</b>	<b>1.842.121.572</b>
- Chi phí đền bù xây dựng	1.108.914.355	1.124.985.577
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	265.591.129	196.072.440
- Chi phí mua bảo hiểm	60.260.171	17.452.366
- Các khoản khác	157.581.834	503.611.189
	<b>2.144.220.061</b>	<b>2.006.288.064</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	4.552.909.091	4.552.909.091
30/06/2024	<u>4.552.909.091</u>	<u>4.552.909.091</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2024	1.247.943.975	1.247.943.975
- Khấu hao trong kỳ	379.409.094	379.409.094
30/06/2024	<u>1.627.353.069</u>	<u>1.627.353.069</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	<u>3.304.965.116</u>	<u>3.304.965.116</u>
30/06/2024	<u>2.925.556.022</u>	<u>2.925.556.022</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2024	20.320.214.327	22.362.010.935	4.040.670.909	46.722.896.171
- Tăng trong năm	-	40.000.000	-	40.000.000
30/06/2024	20.320.214.327	22.402.010.935	4.040.670.909	46.762.896.171
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
01/01/2024	4.992.402.328	15.141.021.664	974.574.599	21.107.998.591
- Khấu hao trong kỳ	420.268.843	1.199.810.458	202.033.548	1.822.112.849
30/06/2024	5.412.671.171	16.340.832.122	1.176.608.147	22.930.111.440
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2024	15.327.811.999	7.220.989.271	3.066.096.310	25.614.897.580
30/06/2024	14.907.543.156	6.061.178.813	2.864.062.762	23.832.784.731

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là: 8.200.644.831 đồng.

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2024 là: 17.014.010.528 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>22.697.201.903</b>	<b>22.697.201.903</b>	<b>26.332.481.868</b>	<b>26.332.481.868</b>
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Chailease	1.565.974.748	1.565.974.748	3.896.709.003	3.896.709.003
- Công ty TNHH CEN Việt Nam	1.406.240.000	1.406.240.000	1.402.500.000	1.402.500.000
- Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Công Nghiệp Sun Beam Việt Nam	939.500.000	939.500.000	1.229.200.000	1.229.200.000
- Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiên Phong	13.738.521.980	13.738.521.980	13.851.981.980	13.851.981.980
- Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Trung Sơn	1.423.240.000	1.423.240.000	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Hoá chất Mê Kông tại Hà Nội	-	-	948.900.000	948.900.000
- Đối tượng khác	3.623.725.175	3.623.725.175	5.003.190.885	5.003.190.885
	<b>22.697.201.903</b>	<b>22.697.201.903</b>	<b>26.332.481.868</b>	<b>26.332.481.868</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>13.738.521.980</b>	<b>13.738.521.980</b>	<b>14.397.273.980</b>	<b>14.397.273.980</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số 26)



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.635.690.564	10.735.175	1.646.425.739	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.440.773.667	854.248.958	1.757.824.334	2.537.198.291
- Thuế thu nhập cá nhân	5.558.513	19.657.984	25.216.497	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	193.243.971	13.381.236	179.862.735
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>5.082.022.744</b>	<b>1.080.886.088</b>	<b>3.445.847.806</b>	<b>2.717.061.026</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>70.940.928.935</b>	<b>70.940.928.935</b>	<b>68.342.216.042</b>	<b>68.678.989.799</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>68.823.373.235</i>	<i>68.823.373.235</i>	<i>69.828.738.328</i>	<i>65.994.712.099</i>
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (1)	24.821.850.035	24.821.850.035	24.434.370.128	24.999.372.958
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	4.844.193.200	4.844.193.200	4.844.193.200	4.843.368.120
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	10.521.515.000	10.521.515.000	13.314.360.000	10.553.850.019
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng Quân đội MBank - Chi nhánh Mỹ Đình (4)	13.985.910.000	13.985.910.000	13.985.910.000	13.999.946.002
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng Shinhan (5)	8.599.905.000	8.599.905.000	8.599.905.000	8.598.175.000
- Ông Chu Văn Phương (6)	3.000.000.000	3.000.000.000	1.600.000.000	3.000.000.000
- Ông Đặng Trần Công (7)	3.050.000.000	3.050.000.000	3.050.000.000	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	<i>2.117.555.700</i>	<i>2.117.555.700</i>	<i>775.416.850</i>	<i>2.684.277.700</i>
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (8)	1.305.000.000	1.305.000.000	439.000.000	1.732.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (9)	812.555.700	812.555.700	336.416.850	952.277.700
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>701.781.845</b>	<b>701.781.845</b>	<b>-</b>	<b>1.477.198.695</b>
- Vay dài hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (8)	-	-	-	439.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (9)	701.781.845	701.781.845	-	1.038.198.695
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.642.710.780</b>	<b>71.642.710.780</b>	<b>70.604.155.178</b>	<b>70.156.188.494</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Theo Hợp đồng vay hạn mức số 01.300113395/2024-HDCVHM/NHCT246-PGN ngày 28/06/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng, lãi suất thả nổi, mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 28/06/2024 đến ngày 28/06/2025 Thời hạn cho vay: được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng.  
Tài sản đảm bảo gồm: Nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, hàng hóa, trái phiếu và các tài sản hình thành trong tương lai của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa; Tài sản là nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đăng Phi; tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đăng Công và bà Ngô Hoài Thanh.
- (2) Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 431/2023/HDDTD/TTKD HO ngày 26/12/2023 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày 26/12/2023, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động thương mại hạt nhựa, hóa chất công nghiệp, chất phụ gia. Tài sản đảm bảo bao gồm:
  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 305/2022/HDBD/TTKD HO ngày 08/06/2022, tài sản cầm cố là ô tô Mercedes-Benz GLC 300 4Matic 253384 màu đen mang biển kiểm soát 88A-520.51 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa. Giá trị chiếc xe đảm bảo là 2,328 tỷ đồng.
  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 306/2022/HDBD/TTKD HO ngày 08/06/2022, tài sản cầm cố là ô tô Toyota Innova 2.0G TGN140L-MUTHKU màu đồng mang biển kiểm soát 88A-520.65 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa. Giá trị chiếc xe đảm bảo là 808 triệu đồng.
- (3) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 290623-3996349-01-SME ngày 03/07/2023 được ký giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất, buôn bán hóa chất, phụ gia nhựa, thanh toán chi phí lương cho nhân viên công ty. Tài sản đảm bảo được quy định chi tiết trong Hợp đồng bảo lãnh số 01/HDBL ký ngày 03/07/2023 giữa Ông Trần Đăng Công và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), trong đó tài sản đảm bảo là mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của Ông Trần Đăng Công hoặc bên Ngân hàng thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.
- (4) Theo Hợp đồng tín chấp số 164622.23.011.647882.TD ngày 11/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày 11/10/2023, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sản xuất kinh doanh hóa chất, phụ gia ngành nhựa và các sản phẩm nhựa của Khách hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (5) Theo Hợp đồng tín dụng số SHBHN/HDTĐ/790500037395 ngày 13/12/2023 giữa Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 8,6 tỷ đồng. Thời hạn cho vay đối với mỗi khoản vay: không quá 6 tháng (được quy định cụ thể tại từng Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ), lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo là Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa hoặc Ban giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa mở tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với giá trị 4 tỷ đồng và Hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa Ngân hàng và Bên Bảo lãnh là ông Trần Đăng Công và bà Ngô Hoài Thanh.
- (6) Hợp đồng vay tín chấp số 01/2022/HĐCV-CVP-PGN ngày 01/03/2022 giữa ông Chu Văn Phương và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với số tiền cho vay là 3 tỷ đồng, lãi suất 7,6%/năm. Thời hạn vay đến 31/12/2024, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- (7) Hợp đồng vay tín chấp số 01/2024/HĐCV-PGN ngày 25/01/2024 giữa ông Đặng Trần Công và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với số tiền vay là 3.050.000.000 đồng, lãi suất cố định là 8,26%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là để Công ty Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 25/01/2024
- (8) Là khoản vay dài hạn giữa Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng vay dự án số 01.113395/2020-HĐCVĐAT/NHCT246-PHUGIANHUA ngày 16/01/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc với Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 7,8 tỷ đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích cho vay thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Thi công xây dựng nhà xưởng sản xuất số 2 tại Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Phụ Gia Nhựa làm chủ đầu tư. Tài sản thế chấp bao gồm:
    - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 11561410/HĐTC ngày 18/10/2011 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm nhà kho và máy móc thiết bị. Tổng trị giá hợp đồng 3.544 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 1.273,8 triệu đồng.
    - + Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 và các Văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).
    - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.300113395/2018/HĐBĐ/NHCT246 ngày 01/02/2018 và các Văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (9) Là khoản nợ thuế tài chính giữa CTCP Phụ Gia Nhựa và Công ty cho thuê tài chính MTV Quốc tế Chailease – CN Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C211103612 ngày 08/11/2021, với giá trị tiền thuê gốc là 1.397.220.000 đồng, thời hạn cho thuê là 40 tháng.
  - Hợp đồng cho thuê tài chính số C220530112 ngày 26/05/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 321.930.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
  - Hợp đồng cho thuê tài chính số C220543512 ngày 15/08/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 944.328.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
  - Hợp đồng cho thuê tài chính số C221028512 ngày 18/10/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 974.462.400 đồng, thời hạn cho thuê là 54 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.400.000</b>	<b>1.600.000</b>
- Các khoản khác	6.400.000	1.600.000
<b>Dài hạn</b>	<b>280.009</b>	<b>481.725</b>
- Chênh lệch giá bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại thuê tài chính	280.009	481.725
	<b>6.680.009</b>	<b>2.081.725</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>93.520.820</b>	<b>31.762.460</b>
- Kinh phí công đoàn	44.127.620	31.762.460
- Bảo hiểm xã hội	37.972.915	-
- Bảo hiểm y tế	8.442.017	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.978.268	-
	<b>93.520.820</b>	<b>31.762.460</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	84.509.400.000	84.509.400.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	10.139.190.000	-
+ Vốn góp cuối kỳ	94.648.590.000	84.509.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.139.190.000	-

**17.2 CỔ PHIẾU**

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.464.859	8.450.940
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.464.859	8.450.940
+ Cổ phiếu phổ thông	9.464.859	8.450.940
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.464.859	8.450.940
+ Cổ phiếu phổ thông	9.464.859	8.450.940
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	VND	VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2023</b>	<b>84.509.400.000</b>	<b>(134.050.000)</b>	<b>4.385.056.475</b>	<b>13.692.022.679</b>	<b>102.452.429.154</b>	
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	5.223.106.726	5.223.106.726	
- Lãi trong năm trước	-	-	1.931.927.659	(1.931.927.659)	-	
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	(643.975.887)	(643.975.887)	
<b>31/12/2023</b>	<b>84.509.400.000</b>	<b>(134.050.000)</b>	<b>6.316.984.134</b>	<b>16.339.225.859</b>	<b>107.031.559.993</b>	
<b>01/01/2024</b>	<b>84.509.400.000</b>	<b>(134.050.000)</b>	<b>6.316.984.134</b>	<b>16.339.225.859</b>	<b>107.031.559.993</b>	
- Lãi trong kỳ	-	-	-	2.434.669.604	2.434.669.604	
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	10.139.190.000	-	-	(10.139.190.000)	-	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	470.079.605	(470.079.605)	-	
<b>30/06/2024</b>	<b>94.648.590.000</b>	<b>(134.050.000)</b>	<b>6.787.063.739</b>	<b>8.164.625.858</b>	<b>109.466.229.597</b>	

(\*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/PGN/NQ-DHDCĐ ngày 25/05/2024 của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa.

(\*\*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1305/2023/PGN/NQ-DHDCĐ ngày 13/05/2023 của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Doanh thu bán hàng	92.724.764.864	121.684.985.314
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.256.290.000	1.679.540.000
	<b>93.981.054.864</b>	<b>123.364.525.314</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 26)	<b>62.848.870.902</b>	<b>86.285.870.000</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	84.970.051.829	113.936.173.170
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	408.079.127	481.830.931
	<b>85.378.130.956</b>	<b>114.418.004.101</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Lãi-tiền gửi, tiền cho vay	424.396.094	12.532.355
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	34.026.739	13.933.310
	<b>458.422.833</b>	<b>26.465.665</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí lãi vay	3.195.102.504	3.176.285.418
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.938.264	14.010.872
	<b>3.199.040.768</b>	<b>3.190.296.290</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.904.755.484</b>	<b>1.810.718.840</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	657.483.208	843.378.026
- Chi phí đồ dùng văn phòng	14.250.408	18.387.059
- Thuế phí, lệ phí	53.161.695	175.898.593
- Chi phí khấu hao TSCĐ	219.190.159	223.802.388
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	431.688.715	407.615.126
- Chi phí quản lý khác	528.981.299	141.637.648
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>408.165.052</b>	<b>211.925.215</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	107.217.310	102.225.217
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.153.934	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	291.660.932	96.663.998
- Chi phí bán hàng khác	8.132.876	13.036.000

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Các khoản phạt	250.100.848	-
- Các khoản khác	10.366.027	-
	<b>260.466.875</b>	-

**24. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

**24.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.434.669.604	2.615.921.723
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.434.669.604	2.615.921.723
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ (CP)	8.450.940	8.450.940
Số cổ phiếu bình quân phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu (CP)	1.013.919	-
Tổng số cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh (CP)	9.464.859	8.450.940
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>257</b>	<b>310</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)**

**24.2 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.434.669.604	2.615.921.723
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.434.669.604	2.615.921.723
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ (CP)	9.464.859	8.450.940
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành (*)	473.242	1.014.112
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>245</b>	<b>276</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 01/2024/PGN/NQ-ĐHDCĐ ngày 25/05/2024 của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa thông qua kế hoạch chi trả năm 2024; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và dự kiến năm 2024.

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VNĐ</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VNĐ</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.716.661.847	104.181.908.654
- Chi phí nhân công	2.637.912.915	3.333.411.744
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.201.521.943	2.129.672.345
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	700.472.797	704.268.501
- Chi phí khác bằng tiền	969.941.933	1.457.632.735
	<b>81.226.511.435</b>	<b>111.806.893.979</b>

**26. THÔNG TIN KHÁC**

**26.1 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VNĐ</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VNĐ</b>
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	69.828.738.328	43.787.737.759
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	67.866.077.192	51.588.545.673



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**26.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Giám đốc kinh doanh của Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát
2	Công ty CP Hóa chất Thăng Long	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Hóa chất Thăng Long
3	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát; Thành viên HĐQT của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát
4	Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Nhựa thiếu niên Tiền Phong.
5	Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
6	Ông Trần Đặng Phi	Thành viên Hội đồng Quản trị
7	Ông Chu Văn Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị
8	Ông Trần Đặng Công	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
9	Bà Trần Việt Oanh	Kế toán trưởng Công ty

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	-	<b>116.433.592</b>
- Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch	-
- Ông Trần Đặng Công	Phó Chủ tịch	116.433.592
- Ông Trần Đặng Phi	Thành viên	-
- Ông Chu Văn Phương	Thành viên	-
- Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên	-
- Ông Phạm Duy Ga	Thành viên	-
<b>Ban Giám đốc điều hành</b>	<b>288.565.944</b>	<b>190.903.748</b>
- Ông Trần Đặng Công	Tổng Giám đốc	93.786.967
- Ông Nguyễn Trọng Cường	Phó Tổng Giám đốc	93.276.640
- Bà Dương Thị Hải Hà	Giám đốc sản xuất	101.502.337
		94.619.201

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**26.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>62.848.870.902</b>	<b>86.285.870.000</b>
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	43.140.889.376	50.782.040.000
- Công ty Cổ phần Hoá chất Thăng Long	961.600.000	9.726.330.000
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	18.746.381.526	25.777.500.000
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>45.042.321.000</b>	<b>79.787.124.500</b>
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	12.980.031.000	45.478.626.500
- Công ty Cổ phần Hóa chất Thăng Long	89.390.000	495.720.000
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	31.522.400.000	28.378.320.000
- Công ty CP Nhựa Thiểu Niên Tiền Phong	450.500.000	5.434.458.000
<b>Vay bên liên quan</b>	<b>4.650.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Ông Trần Đặng Công	3.050.000.000	3.000.000.000
- Ông Chu Văn Phương	1.600.000.000	-
<b>Trả gốc vay bên liên quan</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Ông Trần Đặng Công	-	3.000.000.000
- Ông Chu Văn Phương	1.600.000.000	-
<b>Lãi vay đã trả bên liên quan</b>	<b>65.201.222</b>	<b>277.626.665</b>
- Ông Trần Đặng Công	26.785.778	132.026.665
- Ông Chu Văn Phương	38.415.444	145.600.000

**Số dư với các bên liên quan**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>71.865.069.818</b>	<b>78.008.232.429</b>
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	31.736.300.218	34.509.399.108
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	513.060.487	4.135.454.887
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	39.615.709.113	39.363.378.434
<b>Phải trả người bán</b>	<b>13.738.521.980</b>	<b>14.397.273.980</b>
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	-	545.292.000
- Công ty CP Nhựa Thiểu Niên Tiền Phong	13.738.521.980	13.851.981.980
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>6.050.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Ông Trần Đặng Công	3.050.000.000	-
- Ông Chu Văn Phương	3.000.000.000	3.000.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**26.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Công ty có sử dụng tài sản là nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL774600 tại số 55, Trần Văn Danh, P13, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh của ông Trần Đăng Phi để bổ sung tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 và các văn bản sửa đổi đối với khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương – CN Vĩnh Phúc với trị giá hợp đồng là 4.894 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 3.670 triệu đồng.


Công ty có sử dụng tài sản là QSDĐ 78,6 m2 đất ở và nhà xây 2 tầng diện tích xây dựng 157,2 m2 theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AĐ326525 mang tên ông Trần Đăng Công và bà Ngô Hoài Thanh tại số 57, ngõ 185, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội đem thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 12.68.13395.01/HĐTC ngày 31/8/2012 với trị giá hợp đồng là 5.710 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 4.282 triệu đồng.

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét.

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**Tổng Giám đốc**  
  
**Trần Đăng Công**

**Kế toán trưởng**  
  
**Trần Thị Việt Oanh**

**Người lập biểu**  
  
**Nguyễn Thị Nga**

VĨNH PHÚC

T.C.P